TRUNG TÂM CÔNG BÁO VÀ TIN HỌC
ttcbth@quangngai.gov.vn
16.10.2023 13:37:38
+07:00

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 16/10/2023 10:30:53

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1513 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế khối huyện theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ năm 2023 (đợt 5)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế; số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị đinh số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ - Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế;

Theo đề nghị của UBND huyện Sơn Tịnh tại Công văn số 1856/UBND-NC ngày 06 /10/2023 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4234/STC-NS ngày 12/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế của huyện theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ năm 2023 (đợt 5) với tổng kinh phí là: 1.625.550 ngàn đồng. Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn cải cách tiền lương của huyện năm 2023.

(Chi tiết như phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu cải cách tiền lương, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

2. UBND huyện Sơn Tịnh chịu trách nhiệm:

a) Sử dụng nguồn cải cách tiền lương của huyện để thực hiện chính sách tại Điều 1 Quyết định này đúng mục đích, đúng đối tượng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Tổng hợp kinh phí chi trả vào nhu cầu cải cách tiền lương của huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, NC(Vi809).

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đặng Văn Minh

PHỤ LỤC

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP NGÀY 20/11/2014 CỦA CHÍNH PHỦ ĐỢT5 NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1513 /QĐ-UBND ngày 16 /10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1.000đ)	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Kinh phí chi trả (1.000 đồng)			Nguồn kinh phí chi trả (1.000 đồng)		
											Tổng cộng	Nghỉ hưu trước tuổi	Thôi việc ngay	Tổng cộng	Nguồn đơn vị chi trả	Nguồn NSNN cấp
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=12+13*	*12*	*13*	*14=15+16*	*15*	*16*
	HUYỆN SƠN TỊNH										**1.625.550**	**1.625.550**	**0**	**1.625.550**	**0**	**1.625.550**
*	**Nghỉ hưu trước tuổi**															
A	**Khối Đảng**															
*	**Huyện ủy (Ban Tuyên giáo)**															
1	Đoàn Minh Thái	05/12/1967	Đại học	PTB	25 năm 09 tháng	8.730,0	7.043,9	55 tuổi 69tháng	01/10/2023	5 năm	162.010	162.010		162.010		162.010
B	**Khối sự nghiệp**															
*	**Trường THCS Nguyễn Chánh**															
2	Phan Thị Ái Nhi	16/11/1971	ĐHSP	GV	30 năm 1 tháng	9.972,7	9.116,3	51 tuổi 01 tháng	01/01/2023	4 năm 11 tháng	218.793	218.793		218.793		218.793
3	Phạm Thị Tuyết Minh	24/3/1970	ĐHSP	GV	31 năm 04 tháng	9.572,1	8.950,0	52 tuổi 11 tháng	01/3/2023	3 năm 01 tháng	185.712	185.712		185.712		185.712
4	Nguyễn Minh Thảo	15/12/1964	ĐHSP	GV	36 năm 05 tháng	11.136,2	10.527,3	58 tuổi	01/01/2023	2 năm 9 tháng	223.705	223.705		223.705		223.705
*	**Trường THCS Tịnh Hiệp**															
5	Lữ Đình Oanh	19/4/1967	CĐSP	GV	31 năm 03 tháng	9.326,2	8.535,9	55 tuổi 09 tháng	01/02/2023	5 năm	219.798	219.798		219.798		219.798
*	**Trường Tiểu học Tịnh Sơn**															

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1.000đ)	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Kinh phí chi trả (1.000 đồng)			Nguồn kinh phí chi trả (1.000 đồng)		
											Tổng cộng	Nghỉ hưu trước tuổi	Thôi việc ngay	Tổng cộng	Nguồn đơn vị chi trả	Nguồn NSNN cấp
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=12+13*	*12*	*13*	*14=15+16*	*15*	*16*
6	Nguyễn Thái Hưng	20/4/1967	TCSP Tiểu học	GV	33 năm 04 tháng	8.595,0	8.088,8	55 tuổi 09 tháng	01/02/2023	5 năm	216.375	216.375		216.375		216.375
*	**Trường Tiểu học Tịnh Hà**															
7	Nguyễn Thị Thúy Vân	7/01/1972	Trung cấp	GV	30 năm	8.451,0	7.955,0	51 tuổi	01/02/2023	5 năm	198.874	198.874		198.874		198.874
*	**Trường Mầm non Tịnh Hà**															
8	Phạm Thị Cách	12/02/1969	THSP mầm non	GV	21 năm	6.901,7	6.210,8	53 tuổi 10 tháng	01/01/2023	2 năm 2 tháng	77.635	77.635		77.635		77.635
*	**Trường Mầm non Tịnh Hiệp**															
9	Phạm Thị Xuân Thủy	10/10/1971	ĐHSP mầm non	GV	21 năm 06 tháng	6.580,6	6.210,0	51 tuổi 02 tháng	01/01/2023	4 năm 10 tháng	122.648	122.648		122.648		122.648